



Công ty Cổ phần chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

BÁO CÁO **TRIỂN VỌNG NGÀNH** **2021**

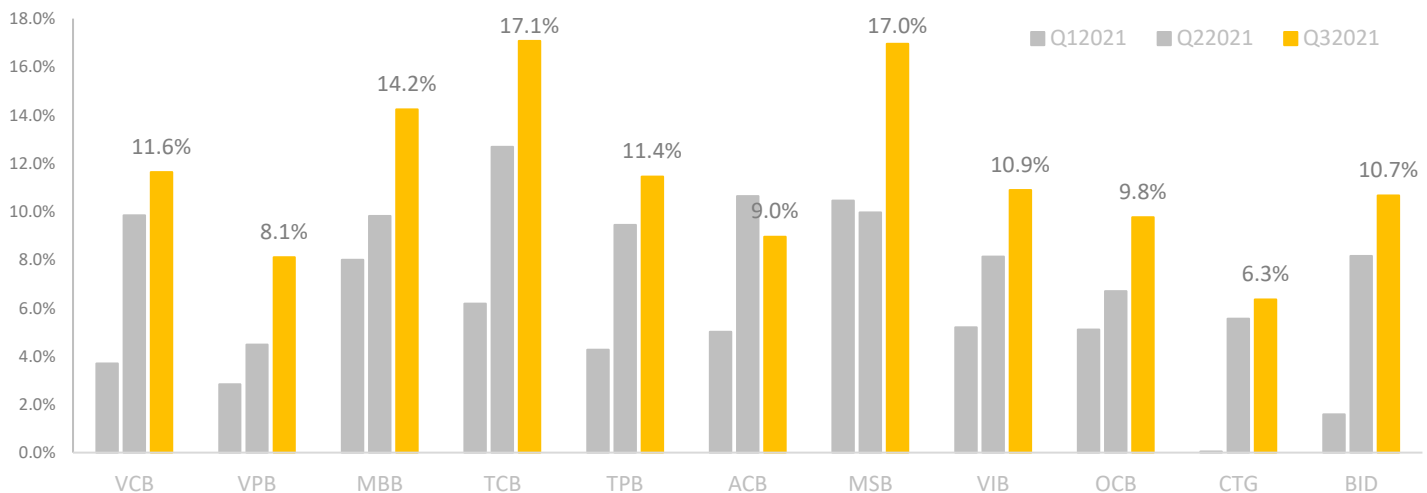
NGÀNH NGÂN HÀNG – CẬP NHẬT KQKD 9M.2021

QUY MÔ – TĂNG TRƯỞNG TRỞ LẠI NHỜ MỞ CỬA NỀN KINH TẾ

Tăng trưởng tín dụng trong 9M.2021 đạt mức 7.42% ytd. Sự hồi phục mạnh của kinh tế sau một thời gian kiểm soát tốt dịch bệnh giúp hồi phục cầu tín dụng. Tuy nhiên, làn sóng dịch bệnh bắt đầu từ T5/2021 đang ảnh hưởng không nhỏ đến TP. HCM và các tỉnh miền Nam, nơi đóng góp gần 50% GDP cho cả nước. Tín dụng trong Q3.2021 chỉ đạt mức tăng trưởng 1.0% so với Q2.2021 cho thấy phần nào ảnh hưởng của dịch bệnh đến nhu cầu tín dụng. Do đó, việc mở cửa cho hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại cùng xu hướng ‘sống chung cùng COVID-19’ sẽ giúp phục hồi nhu cầu tín dụng trong Q4.2021.

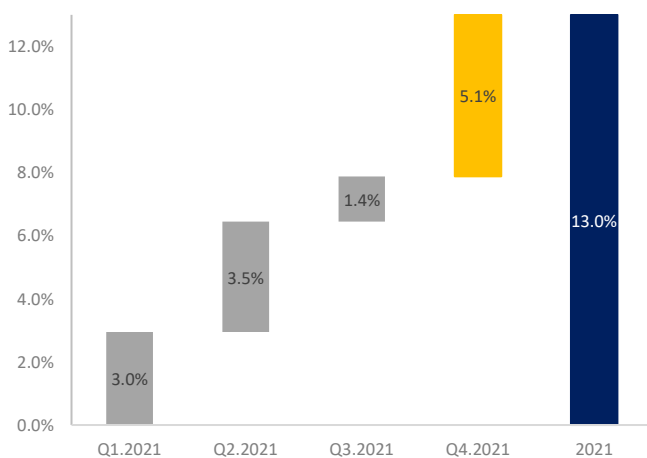
BSC cho rằng dịch bệnh lần 4 với quy mô rộng sẽ làm giảm nhu cầu tín dụng cho nửa sau năm 2021, và việc mở cửa trở lại giúp dự báo tăng trưởng tín dụng toàn ngành ở mức 13.0% là có thể đạt được. Trong năm 2022, chúng tôi cho rằng nhu cầu tín dụng sẽ tiếp tục ở mức cao ~13.0%, được hỗ trợ bởi (1) tiếp tục hồi phục nền kinh tế sau dịch bệnh, (2) gói hỗ trợ có thể lên đến 800,000 tỷ VND trong 2-3 năm sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng và sản xuất kinh doanh.

Hình 1: Tăng trưởng tín dụng các NH niêm yết tính đến hết 9M.2021

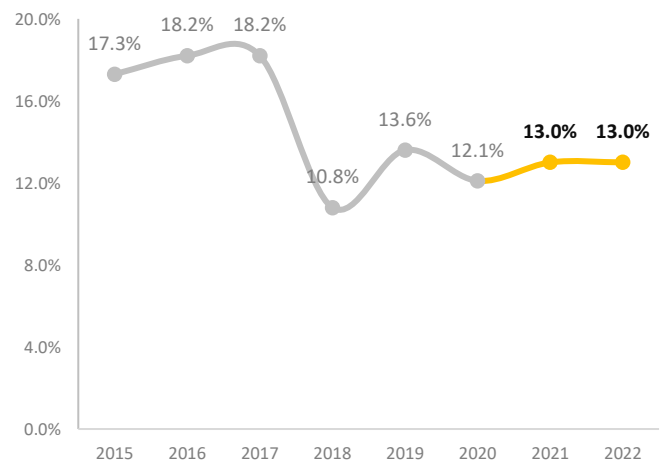


Chú thích: Room tín dụng được cấp cho cả năm của từng ngân hàng
Nguồn: Các NH niêm yết, BSC Research

Hình 2: Dự kiến tăng trưởng Q4.2021



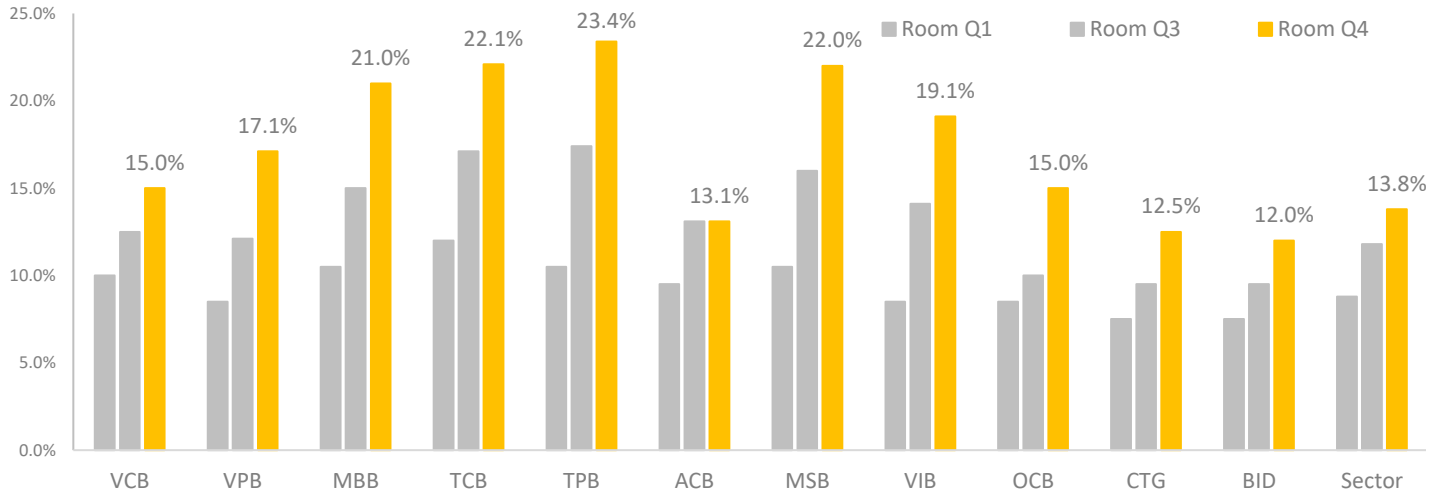
Hình 3: Dự báo tăng trưởng tín dụng năm 2022



Nguồn: SBV, BSC Research

Mục tiêu tín dụng 13.0% trong năm 2021 được hỗ trợ bởi việc nới chỉ tiêu tín dụng trong Q4.2021 cho các Ngân hàng. Nhiều ngân hàng được cấp thêm chỉ tiêu tín dụng trong Q4.2021, điều này giúp các ngân hàng có thêm dư địa tăng trưởng trong thời gian tới, trong điều kiện nhiều ngân hàng đã chạm trần tín dụng trong 9 tháng đầu năm.

Hình 4: Tăng trưởng tín dụng mới được SBV cấp trong Q4.2021 của một số ngân hàng niêm yết

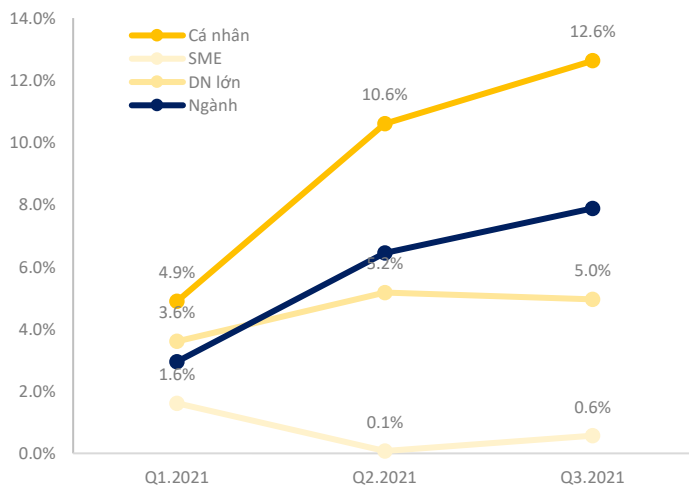


Chú thích: Room tín dụng được cấp cho cả năm của từng ngân hàng

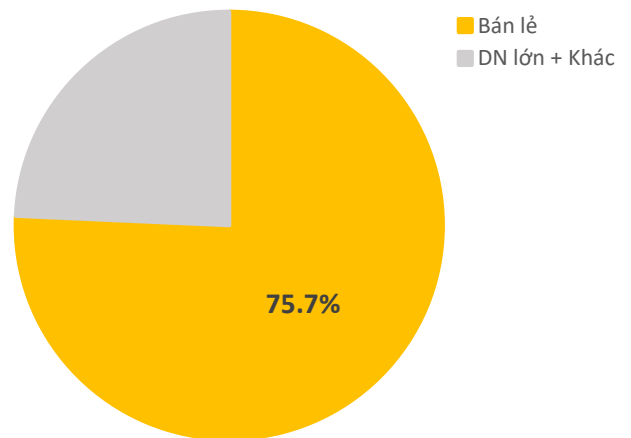
Nguồn: Các NH niêm yết, BSC Research

SME và DN lớn là 2 nhóm khách hàng bị ảnh hưởng mạnh khi dịch bệnh quay trở lại. Hiện nay, 2 nhóm khách hàng này đóng góp ở mức trung bình 75% - 80% cơ cấu cho vay của toàn ngành. Riêng trong Q3.2021, trong khi tốc độ cho vay cá nhân tiếp tục được đẩy mạnh, cho vay SME và DN lớn đều chậm lại do giãn cách kéo dài khiến gián đoạn sản xuất kinh doanh. Do đó, chúng tôi cho rằng việc mở cửa trở lại toàn quốc từ đầu Q4.2021 sẽ giúp nhóm khách hàng DN trở lại hoạt động, từ đó thúc đẩy tăng trưởng trong Q4.2021 và năm 2022.

Hình 5: Tăng trưởng tín dụng theo loại khách hàng



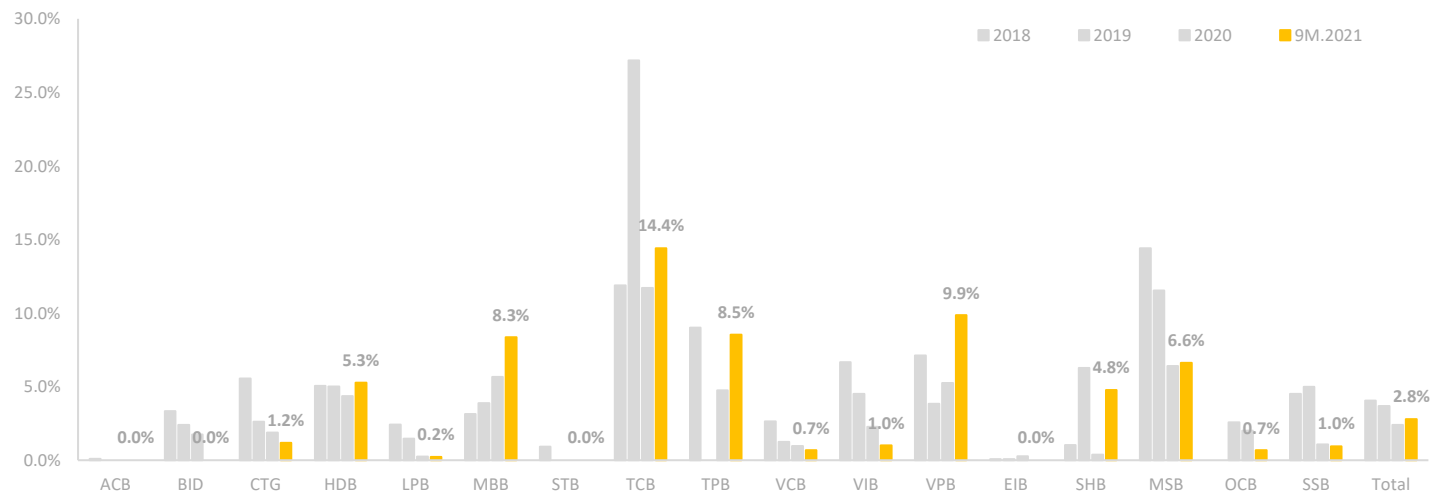
Hình 6: % cho vay bán lẻ trong tổng dư nợ 9M.2021



Nguồn: Các ngân hàng niêm yết, BSC Research

Nhiều ngân hàng gia tăng tỷ trọng trái phiếu doanh nghiệp như MBB, TCB, TPB, VPB, MSB thông qua trái phiếu doanh nghiệp, nhiều ngân hàng cải thiện được NIM do lãi suất cao hơn so với cho vay trực tiếp.

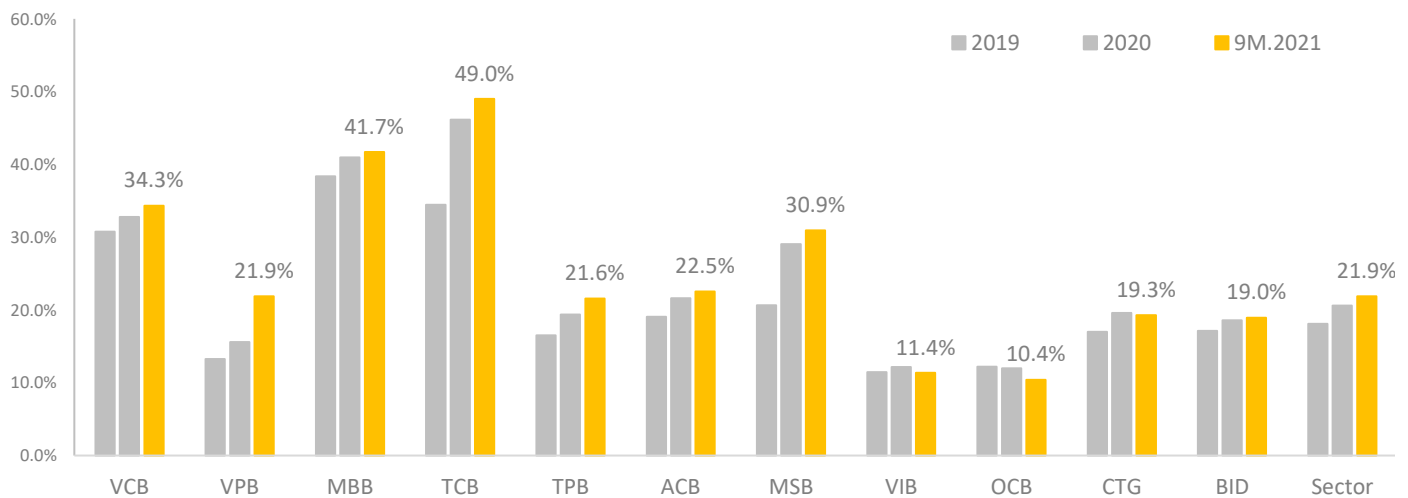
Hình 7: Tỷ trọng TPDN chiếm ~2.8% tổng dư nợ tín dụng toàn ngành



Nguồn: Các NH niêm yết, BSC Research

Tập trung huy động CASA giúp giảm chi phí vốn. Cơ cấu huy động đẩy mạnh tăng trưởng CASA. Đây là xu hướng chung trong thời gian tới của các ngân hàng. Bên cạnh đó, việc tiếp tục giảm lãi suất huy động giúp các ngân hàng tiết giảm chi phí vốn trong năm 2021 và 2022. Một số ngân hàng có lợi thế về tỷ lệ CASA cao (TCB, MBB, VCB, MSB) với tỷ lệ cao hơn 30% giúp cho các ngân hàng này có chi phí vốn thấp, từ đó giúp gia tăng hiệu quả về cho vay.

Hình 8: Tỷ lệ CASA của một số ngân hàng niêm yết



Nguồn: Các NH niêm yết, BSC Research

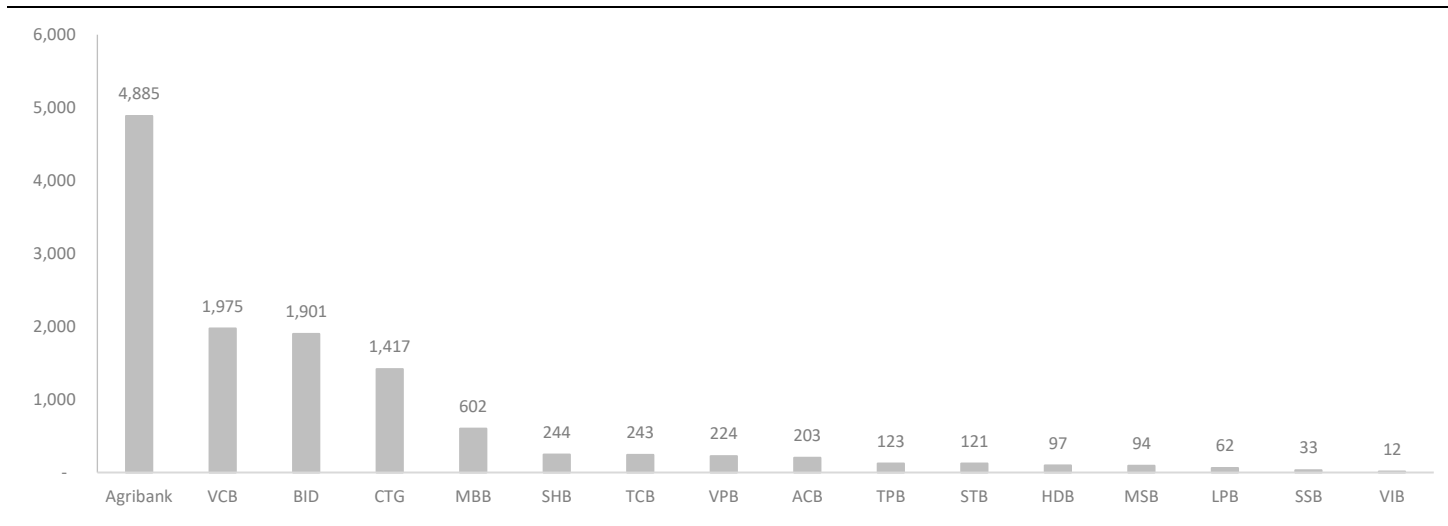
LÃI SUẤT – GIẢM LÃI SUẤT HỖ TRỢ NỀN KINH TẾ

Các ngân hàng giảm lãi suất hỗ trợ nền kinh tế. Các ngân hàng, theo yêu cầu của SBV, đã đi đầu về việc giảm lãi suất hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và giúp doanh nghiệp và người đi vay vốn giảm bớt khó khăn trong thời gian dịch bệnh như BIDV, VCB, ACB,...

Mức giảm lãi suất cho vay từ 1.0% - 1.5% cho gần như toàn bộ các khoản vay, thời gian giảm lãi suất từ 01/07/2021 đến 31/12/2021. Các ngân hàng ước tính sẽ giảm một phần thu nhập lãi để hỗ trợ trong cả năm 2021. Chúng tôi cho rằng mặc

dù việc giảm lãi suất làm ảnh hưởng NII, điều này đi kèm việc nới room tín dụng cho các ngân hàng, do đó các ngân hàng sẽ có nền quy mô cho vay cao hơn trong năm 2022.

Hình 9: Quy mô giảm lãi suất trong Q3.2021 của các NH niêm yết

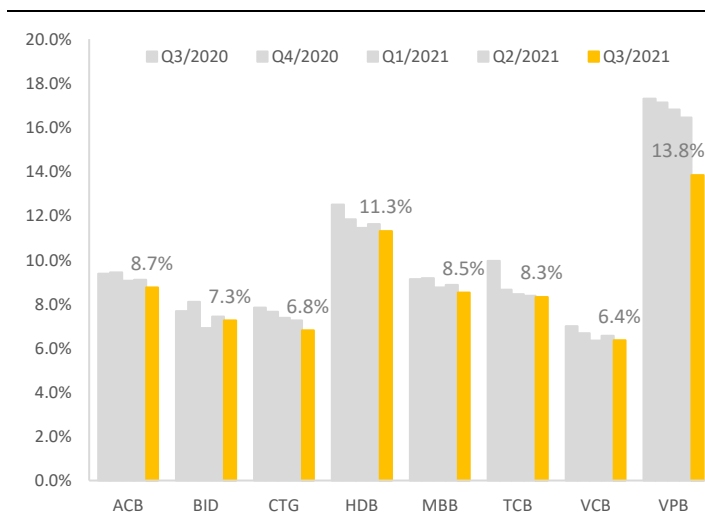


Nguồn: Các NH niêm yết, BSC Research

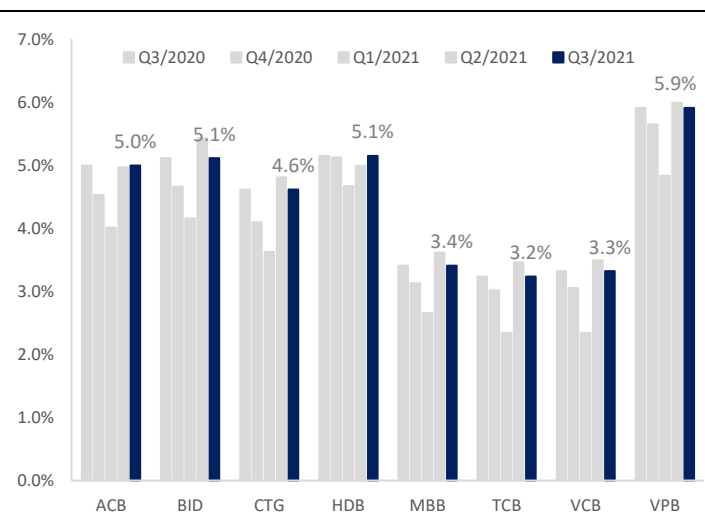
Lãi suất cho vay giảm, chủ yếu do giảm lãi suất hỗ trợ các DN và cá nhân ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Trong khi đó, nhờ giảm chi phí vốn, lãi suất huy động trung bình của toàn ngành vẫn được giữ ở mức thấp. Do đó, NIM trong Q3.2021 đã giảm 20 bps so với Q2.2021, đạt mức 4.0%. Việc giảm lãi suất sẽ tạm thời giảm kỳ vọng tăng trưởng NII trong Q4.2021, tuy nhiên với mức tăng trưởng tín dụng cao hơn sẽ giúp các ngân hàng có mức nền tín dụng cao, chuẩn bị cho tăng trưởng trong năm 2022.

BSC cho rằng NIM trong năm 2022 sẽ +35 bps so với năm 2021 do (1) phục hồi của nền kinh tế giúp tăng trưởng tín dụng cao, đặc biệt tập trung vào nhóm SME và cá nhân với NIM cao, (2) lãi suất cho vay phục hồi sau thời gian hỗ trợ (ước tính hết năm 2021), (2) tăng cơ cấu CASA trong năm 2022 giúp giảm chi phí vốn.

Hình 11: LS cho vay trung bình trong Q3.2021

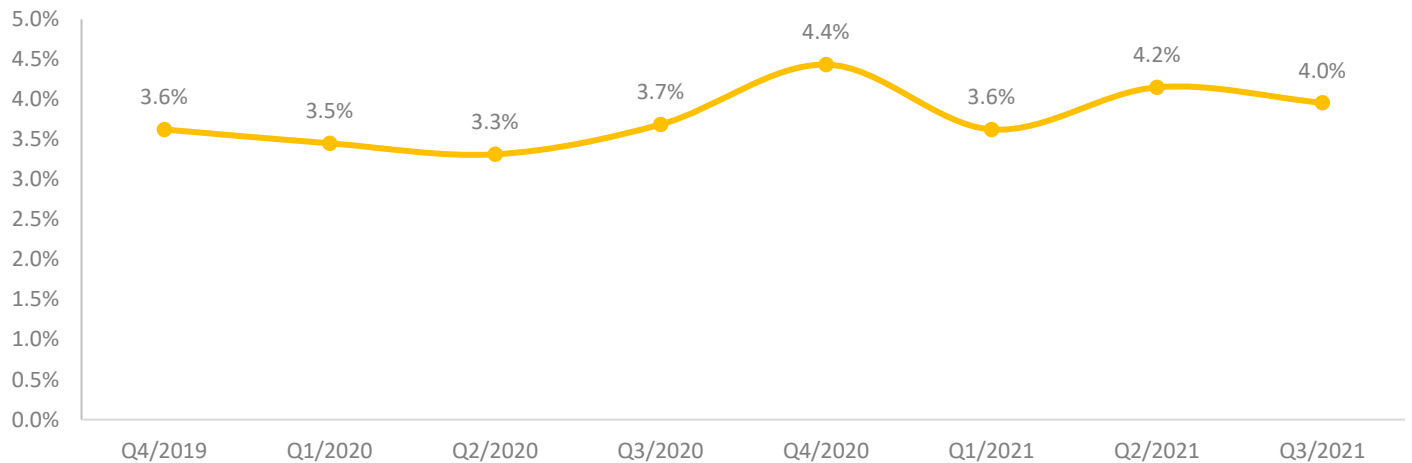


Hình 12: LS huy động trung bình trong Q3.2021



Nguồn: BCTC các NH niêm yết, SBV, BSC Research

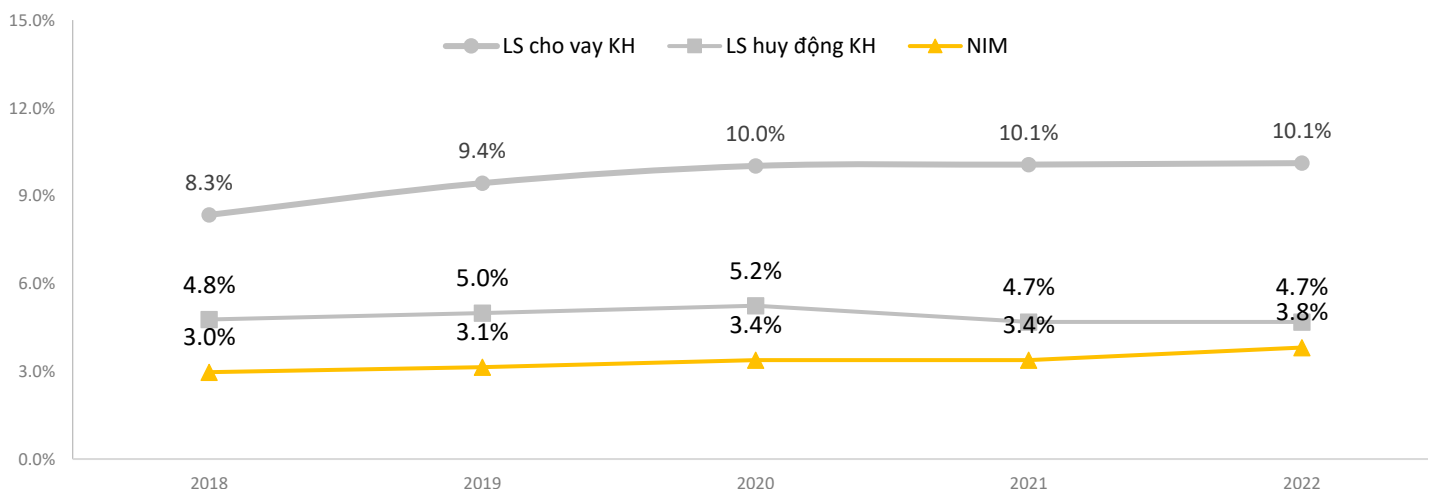
Hình 13: NIM toàn ngành trong Q3.2021 giảm do giảm lãi suất



Chú thích: Tính toán theo giá trị trung bình của NIM các DN trong theo dõi của BSC

Nguồn: Các NH niêm yết, BSC Research

Hình 14: Dự báo NIM trong năm 2022



Chú thích: Tính toán theo giá trị trung bình của lãi suất cho vay và huy động trung bình của các DN trong theo dõi của BSC

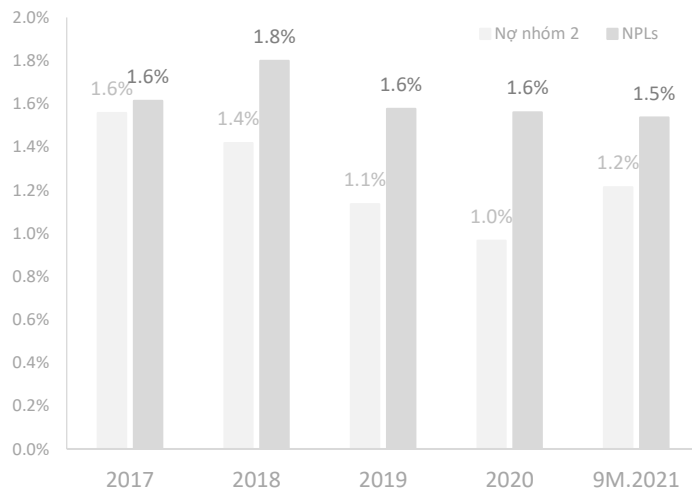
Nguồn: Các NH niêm yết, BSC Research

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN – Trong tầm kiểm soát

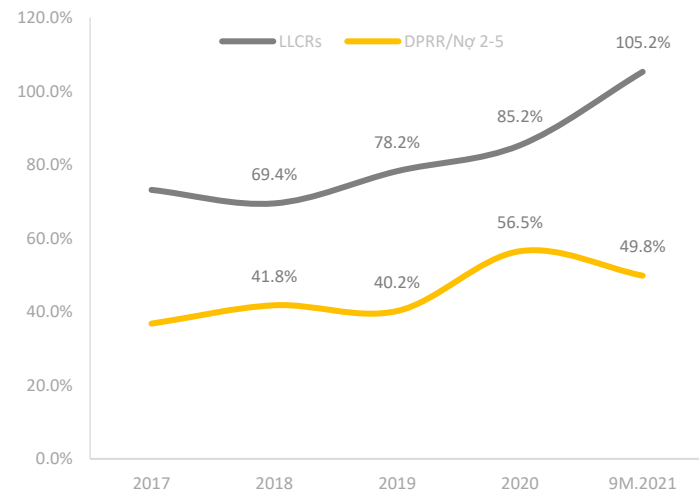
Chất lượng tài sản giảm do dịch bệnh

- Tỷ lệ nợ xấu và bao phủ nợ ở mức cao và đang được cải thiện.** Tuy nhiên, dịch bệnh diễn biến phức tạp tại các tỉnh phía Nam làm dấy lên lo ngại về việc giảm chất lượng tài sản. Chúng tôi cho rằng, mặc dù có sự ảnh hưởng giảm chất lượng tài sản, với chính sách kiểm duyệt tín dụng chặt chẽ và tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao, các ngân hàng có thể quản lý chất lượng tài sản tốt và giữ ở mức như hiện nay (~1.6-1.7% NPLs). Một số ngân hàng đã tăng trích lập dự phòng, và cải thiện mạnh tỷ lệ bao phủ nợ xấu (BID, MBB, TCB, VCB,...)

Hình 14: Nợ xấu được kiểm soát ở mức ~1.6%



Hình 15: Tỷ lệ bao phủ nợ được cải thiện



Nguồn: BCTC các NH niêm yết, SBV, BSC Research

(2) Nợ tái cơ cấu tăng trở lại lên mức 1.5% do làn sóng dịch bệnh COVID-19 lần 4. Một số ngân hàng cũng đã trích lập từ 30% - 100% cho các khoản nợ tái cơ cấu hiện tại và dự kiến sẽ trích lập theo thông tư 03 trong thời gian tới. BSC cho rằng dư nợ tái cơ cấu sẽ không quá ảnh hưởng đến KQKD của các ngân hàng do (1) TOI của ngân hàng tạo ra ở mức cao giúp các NH đủ khả năng trích lập thêm mà không ảnh hưởng nhiều đến tăng trưởng, (2) dự kiến các khoản nợ tái cơ cấu sẽ không tăng nhiều nhờ sự mở cửa lại của nền kinh tế.

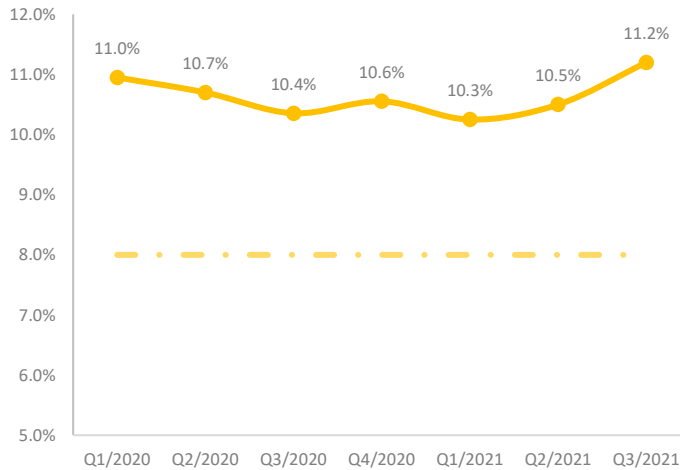
Bảng 1: Nợ tái cơ cấu tại một số ngân hàng

	NỢ TÁI CƠ CẤU						% TỔNG DƯ NỢ					
	Q2/2020	Q3/2020	Q4/2020	Q1/2021	Q2/2021	Q3/2021	Q2/2020	Q3/2020	Q4/2020	Q1/2021	Q2/2021	Q3/2021
ACB	9,000	9,200	9,024	8,516	8,195	13,416	3.2%	3.1%	2.9%	2.6%	2.4%	4.0%
BID	4,000	36,000	28,000	18,000	9,400	25,000	0.4%	3.1%	2.3%	1.5%	0.7%	1.9%
CTG	8,400	8,400	6,500	4,500	4,160	7,800	0.9%	0.9%	0.6%	0.4%	0.4%	0.7%
HDB	5,000	7,900	6,100	1,270	992	181	3.1%	4.8%	3.4%	0.7%	0.5%	0.1%
MBB	7,000	5,100	2,700	2,000	2,700	3,000	2.7%	1.9%	0.9%	0.6%	0.8%	0.9%
STB	7,000	1,000	700	500	1,500	500	2.3%	0.3%	0.2%	0.1%	0.4%	0.1%
TCB	500	7,100	7,900	6,700	2,700	2,900	0.2%	3.1%	2.8%	2.3%	0.9%	0.9%
TPB	1,700	8,000	8,416	1,742	1,268	1,455	1.7%	7.3%	7.0%	1.4%	1.0%	1.1%
VCB	11,000	10,400	5,100	3,900	4,100	9,000	1.4%	1.3%	0.6%	0.4%	0.4%	1.0%
VIB	3,664	3,618	3,201	2,819	2,486	1,800	2.7%	2.4%	1.9%	1.6%	1.4%	1.0%
VPB	20,000	27,000	13,600	7,500	6,600	15,900	7.4%	9.7%	4.7%	2.5%	2.1%	5.0%
MSB	4,200	4,200	1,500	473	243	1,759	6.0%	5.7%	1.9%	0.5%	0.3%	1.8%
OCB	N/A	N/A	1,300	1,123	1,166	2,000	N/A	N/A	1.5%	1.2%	1.2%	2.0%
Tổng cộng	81,464	127,918	94,041	59,042	45,510	84,711	1.7%	2.6%	1.8%	1.1%	0.8%	1.5%

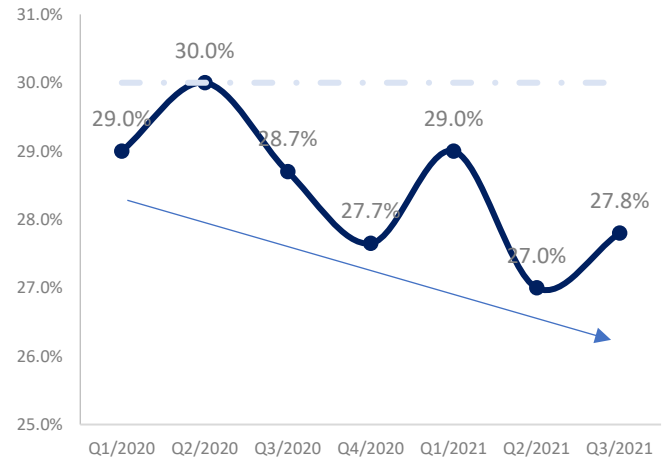
Nguồn: Các ngân hàng niêm yết, BSC tổng hợp

(3) Tỷ lệ an toàn vốn tiếp tục giữ ở mức cao. Tỷ lệ CAR Basel II tiếp tục được giữ ở mức cao, và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giữ ở mức an toàn. Các tỷ lệ đều đảm bảo tốt tỷ lệ yêu cầu của SBV, và BSC kỳ vọng điều này sẽ được giữ vững trong tương lai với các kế hoạch tăng vốn, từ đó giúp tăng trưởng quy mô và LN của các ngân hàng.

Hình 16: Tỷ lệ CAR Basel II được giữ ở mức cao



Hình 17: Tỷ lệ VNH cho vay trung dài hạn của NH



Nguồn: BCTC các NH niêm yết, SBV, BSC Research

Kết quả kinh doanh trong Q3.2021 phân hóa. Tính đến hết Q3.2021, một số ngân hàng đã hoàn thành từ 80%-90% kế hoạch đặt ra từ đầu năm. Do đó, với kỳ vọng phục hồi nền kinh tế bắt đầu từ Q4.2021, chúng tôi cho rằng sẽ có nhiều ngân hàng sẽ hoàn thành vượt chỉ tiêu về LN trong năm 2021. NPLs được kiểm soát tốt ở mức <2%, và nhiều ngân hàng đã trích lập phần lớn dự phòng trong Q2.2021 và Q3.2021 giúp giảm áp lực lên LN trong Q4.2021.

Bảng 2: KQKD 9 tháng đầu năm 2021 so với kế hoạch đầu năm của một số NH niêm yết

	KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM						THỰC HIỆN 9M.2021		
	% Tín dụng	% Huy động	% TTS	PBT	% PBT	NPLs	% Tín dụng	PBT (% KH)	NPLs
BID	10% - 12%	12% - 15%	N/A	13,000	44.0%	<1.6%	9.1%	82.6%	1.6%
ACB	9.5%	9.0%	10.0%	10,602	10.5%	<2%	9.0%	84.6%	0.8%
CTG	7.5%	8-12%	6-10%	16,800	-1.6%	<1.5%	6.3%	82.8%	1.7%
HDB	25.8%	25.3%	25.1%	7,281	25.1%	<2%	7.7%	83.6%	1.4%
LPB	20.3%	15.0%	16.5%	3,200	31.9%	N/A	10.7%	87.6%	1.4%
MBB	10-11%	N/A	11.0%	13,200	23.5%	<1.5%	14.2%	90.0%	0.9%
STB	9.0%	9.0%	8.0%	4,000	19.8%	<2%	19.2%	81.2%	1.6%
TCB	12.0%	14.7%	N/A	19,800	25.3%	<2%	17.1%	86.4%	0.6%
TPB	25.0%	20.0%	21.0%	5,800	32.2%	<2%	11.4%	75.8%	1.0%
VCB	10.5%	7.0%	5.0%	25,000	8.5%	<1%	11.6%	77.2%	1.2%
VIB	25.5%	31.0%	31.2%	7,510	29.5%	<3%	10.9%	71.1%	2.1%

Nguồn: Tài liệu ĐHCĐ các NH niêm yết, BSC Research

ĐỊNH GIÁ – Giá trị hợp lý để tích lũy

Hiện nay, ngành ngân hàng đang được định giá ở mức 1.7x giá trị sổ sách tính đến hết ngày 19/11/2021, giảm khoảng 15% so với đỉnh toàn ngành do ảnh hưởng bởi dịch bệnh khiến nhà đầu tư lo ngại về sự sụt giảm LN so với kỳ vọng đầu năm. Tuy COVID-19 có tác động tiêu cực vào nhu cầu tín dụng cũng như dự phòng của các ngân hàng, chúng tôi cho rằng ảnh hưởng này không làm điều chỉnh giảm quá nhiều LN trong điều kiện các ngân hàng đã hoàn thành ~80% KH của cả năm và trích lập phần lớn các khoản nợ tái cơ cấu cần trích trong năm 2021. Chúng tôi cho rằng sức khỏe tài chính của các Ngân hàng hiện nay xứng đáng có mức định giá cao hơn so với thời điểm hiện tại.

DỰ BÁO KQKD NGÀNH NGÂN HÀNG 2021 VÀ 2022

Chúng tôi cập nhật dự báo TOI và PBT của toàn ngành ngân hàng xuống mức 406,694 tỷ VND (+16.7% yoy) và 163,846 tỷ VND (+24.2% yoy), thay đổi lần lượt -2.1% và -4.6% so với [báo cáo gần nhất](#). Tuy giảm so với kỳ vọng, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận được kỳ vọng sẽ tăng mạnh so với năm 2020, và cao hơn so với mức tăng trưởng chung của lợi nhuận toàn thị trường. Việc hạ kỳ vọng về LN chủ yếu đến từ việc trích lập dự phòng các khoản nợ của TT03 trong nửa sau năm 2021 và kỳ vọng chất lượng tài sản giảm nhẹ do dịch bệnh. Dài hạn hơn, trong năm 2022, chúng tôi kỳ vọng tốc độ tăng trưởng của ngành Ngân hàng vì thế sẽ tốt hơn so với dự báo trước, cụ thể lên mức 22.2% (so với mức 18.4% trước đó) nhờ kinh tế phục hồi sau dịch và mức nền LN thấp hơn trong năm 2021.

Bảng 3: Dự báo KQKD toàn ngành ngân hàng

	2017	2018	2019	2020	2021	2022
TĂNG TRƯỞNG						
% Tín dụng	18.2%	10.8%	13.6%	12.1%	13.0%	14.0%
% TTS	20.3%	9.8%	13.2%	11.1%	10.3%	9.7%
% Cho vay	19.9%	13.6%	16.0%	13.5%	13.0%	13.2%
% Tiền gửi	15.2%	12.2%	13.9%	12.8%	9.9%	8.0%
% Thu nhập lãi thuần	25.1%	16.3%	22.5%	12.3%	17.7%	14.5%
% Thu nhập ngoài lãi	49.3%	28.9%	16.2%	17.2%	13.7%	6.6%
% Phí dịch vụ	51.6%	23.2%	31.4%	22.4%	19.6%	14.1%
% TN hoạt động	29.9%	19.2%	20.9%	13.5%	16.7%	12.6%
% LN trước DP	38.4%	23.4%	25.5%	18.2%	19.7%	13.9%
% Dự phòng	32.6%	11.0%	18.7%	20.9%	12.7%	-1.1%
% LNTT	43.5%	33.6%	30.2%	16.5%	24.2%	22.8%
CHỈ TIÊU NGÀNH						
Nợ nhóm 2	1.6%	1.4%	1.1%	1.0%	1.0%	1.0%
NPL	1.6%	1.8%	1.6%	1.6%	1.5%	1.5%
DPRR/Cho vay	1.2%	1.3%	1.3%	1.3%	1.3%	1.4%
LLCR	73.1%	69.4%	78.2%	85.2%	93.3%	99.1%
DPRR/Nợ 2-5	36.8%	41.8%	40.2%	56.5%	58.7%	59.8%
Chi phí tín dụng	1.5%	1.4%	1.5%	1.6%	1.6%	1.4%
LDR	70.8%	74.5%	75.9%	76.5%	80.8%	85.0%
CAR Basel I	10.7%	10.8%	10.7%	10.5%	11.4%	12.1%
CASA	16.7%	16.5%	16.8%	17.7%	19.9%	23.2%
LS gộp BQ	7.5%	7.9%	8.6%	8.1%	8.2%	8.4%
Chi phí vốn BQ	4.6%	4.8%	4.9%	4.5%	4.5%	4.4%
NIM	3.1%	3.3%	3.5%	3.52%	3.84%	4.12%
CIR	53.4%	47.4%	40.8%	39.2%	37.1%	35.7%
ROAA	0.9%	1.4%	1.6%	1.5%	1.8%	2.0%
ROAE	14.3%	18.7%	18.5%	18.2%	18.8%	18.6%

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Bảng 4: KQKD Q3.2021 của các ngân hàng niêm yết trong theo dõi của BSC

	ACB	VCB	CTG	HDB	LPB	MBB	STB	TCB	TPB	MSB	VIB	VPB
QUY MÔ												
Vốn điều lệ	27,019	37,089	48,058	16,088	12,036	37,783	18,852	35,109	11,717	11,750	15,531	25,300
VCSH	42,483	109,527	95,601	29,270	16,157	58,847	33,383	88,384	24,759	21,289	22,159	62,322
Tổng tài sản	479,309	1,385,235	1,447,809	346,355	254,623	555,595	494,295	541,625	260,328	195,513	285,035	479,432
VCSH/TTS	8.9%	7.9%	6.6%	8.5%	6.3%	10.6%	6.8%	16.3%	9.5%	10.9%	7.8%	13.0%
TĂNG TRƯỞNG												
% tín dụng	9.0%	11.6%	6.3%	7.7%	10.7%	14.2%	19.2%	17.1%	11.4%	17.0%	10.9%	8.1%
% TTS	7.8%	4.3%	7.9%	8.5%	5.1%	12.2%	0.3%	23.2%	26.2%	10.6%	16.5%	14.4%
% tiền gửi	3.6%	7.4%	8.3%	11.3%	2.5%	10.6%	-2.1%	14.0%	13.5%	7.4%	13.5%	2.5%
% TOI	26.9%	14.4%	6.5%	6.8%	12.8%	29.2%	-12.7%	17.1%	65.8%	29.6%	1.6%	7.0%
% LN trước DP	24.8%	17.7%	10.9%	20.4%	23.1%	45.6%	-18.8%	22.8%	94.4%	47.3%	-13.4%	14.8%
% PBT	0.9%	15.1%	5.4%	28.3%	3.9%	29.3%	-8.1%	40.0%	40.2%	45.9%	-17.0%	-4.1%
CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN												
Nợ nhóm 2	0.7%	0.7%	0.5%	3.0%	0.9%	1.1%	0.5%	0.9%	2.6%	1.3%	3.3%	7.7%
NPLs	0.8%	1.2%	1.7%	1.4%	1.4%	0.9%	1.6%	0.6%	1.0%	1.9%	2.1%	4.0%
DPRR/ Tổng dư nợ	1.7%	2.8%	2.0%	1.1%	1.4%	2.2%	1.8%	1.1%	1.2%	1.2%	1.1%	2.0%
LLCRs	197.7%	242.9%	118.6%	80.9%	98.2%	232.8%	112.2%	184.4%	115.4%	62.1%	54.1%	48.9%
DPRR nợ xấu/Nợ 2-5	106.2%	154.0%	93.2%	25.5%	61.2%	107.6%	84.7%	69.9%	33.3%	36.9%	21.0%	16.7%
Chi phí tín dụng	1.0%	1.1%	2.1%	0.8%	0.6%	2.1%	1.1%	0.7%	4.1%	2.5%	0.6%	6.3%
Nợ tái cơ cấu	4.0%	1.0%	0.7%	0.1%	0.0%	0.9%	0.1%	0.9%	1.1%	1.8%	1.0%	5.0%
RỦI RO THANH KHOẢN & AN TOÀN VỐN												
LDR	80.8%	77.9%	83.5%	61.7%	84.9%	75.2%	80.8%	79.0%	57.9%	58.6%	73.0%	78.4%
Đòn bẩy tài chính	11.3	12.6	15.1	11.8	15.8	9.4	14.8	6.1	10.5	9.2	12.9	7.7
CAR Basel II	11.2%	10.0%	9.1%	13.5%	0.0%	11.0%	10.4%	15.2%	14.6%	11.2%	10.6%	12.4%
MTLT	22.7%	29.0%	24.2%	23.0%	0.0%	32.0%	27.1%	32.6%	20.5%	17.1%	32.0%	28.0%
HIỆU QUẢ KINH DOANH												
TOI	5,690	13,253	12,255	3,706	2,241	8,700	4,198	8,779	3,674	2,311	3,080	10,133
LNTT	2,616	5,738	3,061	1,891	766	3,898	825	5,562	1,387	1,009	1,385	2,698
NII/TOI	81.5%	74.7%	79.6%	83.0%	86.2%	71.9%	68.9%	71.8%	70.0%	60.3%	79.8%	78.7%
CASA	22.5%	34.3%	19.3%	12.3%	7.6%	41.7%	22.2%	49.0%	21.6%	30.9%	11.4%	21.9%
LS gộp bình quân	7.2%	5.3%	5.9%	8.2%	0.0%	7.5%	6.9%	7.5%	7.4%	6.4%	7.5%	10.6%
Chi phí vốn bình quân	3.5%	2.3%	3.2%	4.1%	0.0%	2.6%	3.8%	2.2%	3.3%	2.5%	3.7%	4.0%
NIM	4.0%	3.1%	2.9%	4.2%	0.0%	5.3%	3.0%	5.9%	4.4%	4.0%	4.2%	7.1%
CPDP/PPOP	20.1%	31.1%	41.6%	20.8%	26.6%	35.5%	36.7%	9.8%	33.9%	19.7%	14.5%	53.9%
CIR	33.2%	31.9%	32.6%	41.0%	50.4%	35.2%	62.8%	29.1%	33.9%	38.2%	39.5%	24.2%
ROAA	2.1%	1.6%	1.2%	1.7%	1.1%	2.1%	0.7%	3.5%	2.0%	2.1%	2.1%	2.7%
ROAE	25.0%	20.3%	18.3%	20.8%	17.7%	20.4%	10.9%	21.3%	22.2%	20.8%	28.4%	21.3%
ĐỊNH GIÁ												
EPS	3,599	5,696	3,439	3,484	2,240	2,938	1,798	4,956	3,932	3,380	3,665	4,852
BVPS	15,723	29,531	19,893	18,193	13,424	15,575	17,708	25,174	21,131	18,118	14,267	24,634

Nguồn: BCTC các ngân hàng niêm yết, BSC Research



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng 10, 11 Tháp BIDV 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84) 24 3935 2722

CHI NHÁNH

Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (+84) 28 3821 8885
Website: www.bsc.com.vn